



ẢNH HƯỞNG CỦA CÔNG TÁC GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG ĐẾN SINH KẾ CỦA NGƯỜI DÂN BỊ THU HỒI ĐẤT TẠI KHU KINH TẾ NHON HỘI, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Hồ Kiệt^{1,*}, Trần Văn Hòa², Hồ Nhật Linh¹

¹Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế

²Văn phòng Đăng kí đất đai tỉnh Bình Định

Tóm tắt: Bài báo trình bày kết quả nghiên cứu ảnh hưởng của công tác giải phóng mặt bằng đến sinh kế của người dân bị thu hồi đất tại khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định. Số liệu cho thấy sinh kế của người dân sau thu hồi đất thiếu bền vững. Nguồn vốn tự nhiên của các hộ bị thu hẹp rất nhiều, đặc biệt là ở nhóm bị thu hồi tới 98,3 % đất nông nghiệp. Nguồn vốn tài chính thu được từ sản xuất nông nghiệp giảm đi theo sự tăng lên của diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi. Việc sử dụng nguồn vốn tài chính của người dân thiếu sự định hướng. Theo đó, phần lớn dành cho đời sống và sinh hoạt, phần còn lại rất ít dành cho sản xuất. Sau thu hồi đất người dân chưa chú trọng tới việc học nghề. Có sự luân chuyển từ vốn tài chính sang vốn vật chất, nhưng đa số là phương tiện sinh hoạt mà không phải là phương tiện sản xuất.

Từ khóa: khu kinh tế, Nhơn Hội, thu hồi đất, sinh kế

1 Đặt vấn đề

Thực tế cho thấy trong công tác giải phóng mặt bằng thì công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là công tác khó khăn, phức tạp, ảnh hưởng nhiều đến sinh kế của người dân, nảy sinh nhiều tranh chấp, khiếu nại kéo dài và dễ phát sinh thành những điểm nóng gây mất ổn định về chính trị. Nhận thức sâu sắc được những khó khăn, thách thức của công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách, văn bản nhằm thực thi có hiệu quả pháp luật về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế, giải quyết tốt bài toán “hài hòa về lợi ích” giữa Nhà nước, nhà đầu tư, người sử dụng đất khi nhà nước thu hồi đất [2].

Khu kinh tế Nhơn Hội trong những năm qua đã thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh Bình Định theo hướng công nghiệp hóa. Để xây dựng Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định đã phải giải phóng mặt bằng hơn 12.000 ha và theo đó phải di dời hàng nghìn hộ dân [1]. Tỉnh Bình Định đã có nhiều giải pháp để ổn định đời sống và đảm bảo sinh kế cho người dân bị thu hồi đất, [5], [6], [7]. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều nhiều vấn đề kinh tế – xã hội nảy sinh cần giải quyết. Tài sản sinh kế của người dân bị thay đổi. Nhiều nguồn vốn sinh kế thậm chí bị mất hẳn; phương thức sử dụng các nguồn vốn sinh kế của người dân không đảm bảo như mục đích của công tác đền bù, hỗ trợ và tái định cư. Từ đó, đời sống của người dân bị thu hồi đất để xây dựng khu kinh tế không ổn định, hiện tượng thất nghiệp, thiếu và không có đất sản xuất nông nghiệp, v.v... đã và đang diễn ra. Bài báo này

* Liên hệ: hokiet@huaf.edu.vn

trình bày kết quả nghiên cứu sinh kế của người dân tại khu kinh tế Nhơn Hội sau khi bị thu hồi đất để có những giải pháp phù hợp, nhằm góp phần nâng cao đời sống cho người dân và ổn định tình hình kinh tế xã hội tại địa phương.

2 Phương pháp nghiên cứu

2.1 Phương pháp thu thập số liệu

– Số liệu thứ cấp bao gồm

Các văn bản pháp luật có liên quan về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Các thông tin, số liệu về tình hình thu hồi đất của khu kinh tế Nhơn Hội.

Các số liệu này được thu thập từ các văn bản pháp luật, các báo cáo của UBND tỉnh Bình Định, UBND thành phố Quy Nhơn, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định, Chi cục thống kê thành phố Quy Nhơn, Phòng Tài nguyên Môi trường thành phố Quy Nhơn, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định

– Số liệu sơ cấp

+ Điều tra hộ: theo phương pháp sử dụng phiếu điều tra soạn sẵn. Đối tượng điều tra là các hộ dân chịu ảnh hưởng bởi việc thu hồi đất xây dựng khu kinh tế Nhơn Hội. Số lượng mẫu điều tra được tính theo công thức Slovin

$$n = N/(1 + N \cdot e^2),$$

trong đó n là số mẫu phải điều tra, là tổng số cá thể, e là phương sai.

Ở khu vực nghiên cứu có 819 hộ dân bị thu hồi đất với $e = 0,075$, số mẫu điều tra là 146 hộ. Các hộ điều tra chia thành 3 nhóm có diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi khác nhau. Nhóm 1 (25 hộ) có diện tích thu hồi dưới 30 % diện tích đất nông nghiệp, nhóm 2 (20 hộ) có diện tích thu hồi 30–70 % diện tích đất nông nghiệp, nhóm 3 (101 hộ) có diện tích thu hồi trên 70 % diện tích đất nông nghiệp.

2.2 Phương pháp xử lý số liệu số liệu

– Sử dụng phần mềm Excel để nhập và xử lý số liệu.

– So sánh các nguồn lực trong ngũ giác sinh kế của người dân trước và sau khi bị thu hồi đất [3].

3 Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1 Khái quát về khu kinh tế Nhơn Hội

Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 142/2005/QĐ-TTg ngày 14/6/2005, có tổng diện tích đất khu quy hoạch 12.000 ha, chiếm 1,98 % diện tích tự nhiên của tỉnh Bình Định. Khu kinh tế Nhơn Hội nằm trên bán đảo Phương Mai, tỉnh Bình Định, cách trung tâm hành chính thành phố Quy Nhơn về phía Đông 8 km, thuộc ranh giới hành chính các xã Nhơn Hội, Nhơn Lý, Nhơn Hải, khu vực 9 phường Hải Cảng – thành phố Quy Nhơn; một phần các xã Phước Hòa,

Phước Sơn, Phước Thắng – huyện Tuy Phước; một phần các xã Cát Tiến, Cát Hải, Cát Chánh – huyện Phù Cát.

Khu kinh tế Nhơn Hội hiện có 38.792 người; dân cư tập trung đông ở khu Cát Tiến; mật độ dân số lên 761 người/km²; khu Nhơn Lý và khu Nhơn Hải 597 người/km², các khu vực khác dân cư thưa thớt, mật độ dưới 100 người/km².



Hình 1. Vị trí khu kinh tế Nhơn Hội

Bảng 1. Tình hình dân số và lao động tại khu kinh tế Nhơn Hội năm 2015

Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Dân số	38 792	100
Lao động	23 560	60,73
<i>Chia theo lĩnh vực kinh tế:</i>		
Nông nghiệp	19 125	49,30
Thương mại, dịch vụ	1 915	4,94
Công nghiệp và xây dựng	2 520	6,50

Số liệu ở Bảng 1 cho thấy lao động nông nghiệp chiếm tỷ trọng cao và kéo theo với nó là tỷ trọng dân số cao sống phụ thuộc vào sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp. Điều này sẽ làm cho những ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng càng lớn hơn, tác động đến sinh kế của số đông người dân sau khi bị thu hồi đất tại khu vực nghiên cứu.

3.2 Ảnh hưởng của công tác giải phóng mặt bằng đến sinh kế của người dân bị thu hồi đất

Theo số liệu ở Bảng 1 có thể thấy rằng ở khu kinh tế Nhơn Hội đa số người dân sinh sống dựa vào nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản ven bờ và đánh bắt cá. Trong tổng số 146 hộ điều tra, tuổi đời bình quân của chủ hộ khá cao 55,8 tuổi. Đa số chủ hộ là nam giới, chiếm 69,8 %. Mỗi hộ gia đình có bình quân 4,8 nhân khẩu, bình quân lao động trên hộ gia đình là 1,6 người. Theo số liệu điều tra, trong vùng nghiên cứu có 27,4 % chủ hộ chưa tốt nghiệp tiểu học; 97,26 % chủ hộ chưa tốt nghiệp trung học; 100 % chủ hộ chưa có bằng cấp về chuyên môn.

Nguồn vốn tự nhiên

Số liệu điều tra tại Bảng 2 cho thấy diện tích đất nông nghiệp của các nhóm hộ giảm đáng kể sau khi thu hồi đất. Trong đó, nhóm 1 có đất nông nghiệp của hộ giảm 29,4 % tương ứng 790,9 m², nhóm 2 giảm 67,5 % tương ứng 2537,5 m²; đặc biệt là nhóm 3 giảm 98,3 % tương ứng 3569,8 m² bởi vì đại đa số các hộ dân thuộc nhóm này ở vị trí thuộc các dự án thu hồi 100 % diện tích đất của hộ.

Bảng 2. Diện tích đất nông nghiệp bình quân của các nhóm hộ (m²)

Nhóm hộ	Trước khi thu hồi	Sau khi thu hồi	So sánh trước và sau khi thu hồi	
			(+/-)	%
Nhóm 1	3365,2	2574,3	- 790,9	23,5
Nhóm 2	3756,1	1218,6	- 2537,5	67,5
Nhóm 3	3629,8	60,0	- 3569,8	98,3

Nguồn: Tổng hợp phiếu điều tra hộ, 2015

Tiền bồi thường đất nông nghiệp cho các nhóm hộ điều tra được trình bày trong Bảng 3.

Số liệu ở Bảng 3 cho thấy một phần nguồn vốn tự nhiên đã chuyển thành nguồn vốn tài chính. Tuy nhiên, có thể thấy phần nguồn vốn tài chính được tăng thêm là hết sức ít ỏi so với diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi. Ví dụ, bình quân hộ ở nhóm 3 chỉ được đền bù 147,254 triệu cho 3569,8 m², chiếm 98,3 % đất nông nghiệp mà họ có. Đây là nguồn lực cực kỳ quan trọng đảm bảo đời sống của các hộ dân trong điều kiện đa số rất khó có điều kiện để chuyển đổi nghề nghiệp sau này.

Bảng 3. Tiền bồi thường đất nông nghiệp bị thu hồi bình quân theo các nhóm hộ

Nhóm hộ	Diện tích đất NN bị thu hồi/hộ (m ²)	Tiền đền bù bình quân/hộ (triệu đồng)
Nhóm 1	790,9	33,180
Nhóm 2	2537,5	95,156
Nhóm 3	3569,8	147,254

Nguồn: Tổng hợp phiếu điều tra hộ, 2015

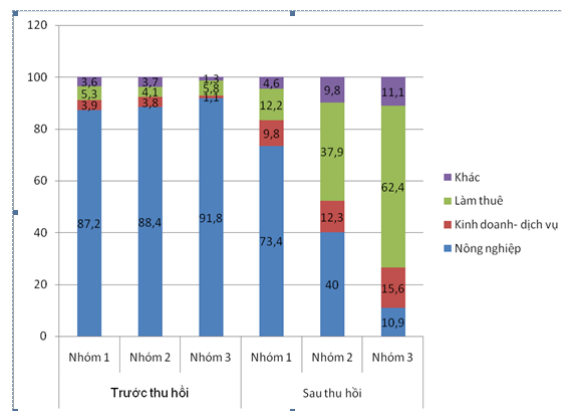
Nguồn vốn tài chính

Do sự thay đổi về nguồn vốn tự nhiên (đất đai), tư liệu sản xuất chủ yếu của các hộ nông dân tất yếu dẫn đến sự thay đổi về lao động và thu nhập của hộ. Theo kết quả điều tra, thu nhập của các hộ dân sau thu hồi đất đều giảm so với trước khi thu hồi đất, chỉ có nhóm 1 là thu nhập sau khi thu hồi đất hầu như không thay đổi.

Theo Biểu đồ 1, các nguồn thu nhập bình quân trước và sau khi thu hồi đất của các hộ có sự thay đổi đáng kể. Trước thu hồi đất nguồn thu nhập của các hộ dân chủ yếu là do hoạt động sản xuất nông nghiệp: tỷ trọng thu nhập từ nông nghiệp trong tổng thu nhập của nhóm 1, 2, 3 lần lượt là 87,2 %, 88,4 %, 91,8 %. Sau thu hồi đất, nguồn thu nhập từ sản

xuất nông nghiệp của các nhóm hộ này giảm xuống đáng kể, tương ứng là 73,4 %, 40 %, và 10,9 %.

Các hộ thuộc nhóm 3 có tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi nhiều nhất nên thu nhập từ nông nghiệp cũng giảm xuống nhiều nhất. Không còn sản xuất nông nghiệp được như trước khi thu hồi đất nên họ phải chuyển sang nghề khác để có thu nhập trang trải cho cuộc sống. Điều tra cho thấy vì trình độ văn hóa thấp, chưa qua đào tạo nghề, lại thiếu vốn sản xuất, các ngành nghề dịch vụ và các vùng lân cận chưa thực sự phát triển nên không tìm được công việc ổn định nên hộ chuyển sang lao động tự do. Nguồn thu nhập này là thứ yếu của người dân trước khi thu hồi đất thì sau khi thu hồi đất lại là nguồn thu nhập chủ yếu. Tuy thu nhập từ lao động tự do có cao hơn so với sản xuất nông nghiệp nhưng lại rất bấp bênh không ổn định, khó kiếm việc vào mùa mưa nên không đảm bảo được đời sống của hộ.



Biểu đồ 1. Tỷ lệ các nguồn thu nhập của các hộ trước và sau thu hồi

Mức chi tiêu cho sinh hoạt trung bình hàng ngày của người dân trước và sau khi thu hồi đất có sự thay đổi đáng kể. Bảng 4 cho thấy ở nhóm 1, sau thu hồi các khoản chi tiêu chủ yếu tập trung cho nhu cầu đời sống và sinh hoạt trước thu hồi đất là 20,41 triệu đồng chiếm 78,17 % so với tổng chi phí; sau thu hồi đất là 28,08 triệu đồng chiếm 82,52 %. Còn mức đầu tư cho sản xuất giảm từ 21,83 % xuống còn 17,48 %, nhưng con số tuyệt đối có tăng đôi chút từ 5,7 triệu đồng lên 5,95 triệu đồng.

Ở nhóm 2, chi tiêu của các hộ cho sản xuất giảm đáng kể từ 6,1 triệu đồng (chiếm 21,67 %) xuống còn 3,72 triệu đồng (chiếm 11,39 %) sau khi bị thu hồi đất. Đặc biệt ở nhóm 3, đầu tư cho sản xuất trung bình tháng giảm từ 6,26 triệu đồng (chiếm 22,98 %) xuống còn 0,52 triệu đồng chỉ chiếm 1,48 % trong tổng chi phí của hộ. Như vậy, có thể thấy số người dân chuyển đổi nghề nghiệp, tìm kiếm được việc làm ổn định còn rất hạn chế.

Bảng 4. Chi tiêu của các hộ trước và sau thu hồi đất

Chi tiêu	Trước THĐ		Sau THĐ	
	Triệu đồng	%	Triệu đồng	%
Nhóm hộ 1 (n = 25)				
Chi phí bình quân/hộ/năm	26,11	100,00	34,03	100,00
1. Đầu tư cho sản xuất	5,70	21,83	5,95	17,48
2. Chi phí cho đời sống và sinh hoạt	20,41	78,17	28,08	82,52
Nhóm hộ 2 (n = 20)				
Chi phí bình quân/hộ/năm	27,73	100,00	32,64	100,00
1. Đầu tư cho sản xuất	6,10	21,67	3,72	11,39
2. Chi phí cho đời sống và sinh hoạt	21,63	78,33	28,92	88,61
Nhóm hộ 3 (n = 101)				
Chi phí bình quân/hộ/năm	27,68	100,00	35,13	100,00
1. Đầu tư cho sản xuất	6,36	22,98	0,52	1,48
2. Chi phí cho đời sống và sinh hoạt	21,32	77,02	34,61	98,52

Nguồn: Tổng hợp phiếu điều tra hộ, 2015

Nguồn vốn con người

Qua điều tra, độ tuổi lao động càng cao thì số người trong độ tuổi lao động đi học càng giảm. Lao động trong độ tuổi 15–18 có tỷ lệ đi học khá cao 75,3 %, tỷ lệ này giảm xuống còn 8,2 % ở lứa tuổi 18–35 (nữ) và 40 (nam). Lao động trên 35 đối với nữ, trên 40 đối với nam không còn ai theo học. Người bị thu hồi đất đầu tư cho con em đi học, còn bản thân người lớn tuổi (trên 35–40 tuổi) khi mất đất nông nghiệp cách đơn giản nhất mà họ lựa chọn là làm thuê tự do.

Kết quả phân tích các bảng hỏi cho thấy về đời sống văn hóa, tinh thần của gia đình trước và sau thu hồi đất thì đa số hộ cho rằng có đời sống tốt hơn trước (66,30 %), chỉ một số ít hộ (7,20 % hộ) không hài lòng với đời sống văn hoá tinh thần hiện nay của gia đình mình.

Nguồn vốn xã hội

Nguồn vốn xã hội của các hộ gia đình bị giảm đáng kể tính theo phương diện nghề nghiệp. Các hộ sử dụng một phần rất nhỏ để chi cho hoạt động chuyển đổi nghề nghiệp (học nghề mới) và một phần nhỏ hơn một chút dành cho con cái học tập.

Số liệu ở bảng 5 cho thấy sau thu hồi đất, các hộ thuộc các nhóm phải chuyển sang nghề mới đầu tư cho học nghề, chuyển đổi nghề nghiệp chỉ chiếm từ 3,59 % (nhóm 3) đến 4,24 % (đối với nhóm 2) trong tổng số tiền bồi thường, đồng thời chi phí cho việc học hành

của con em chỉ từ 4,14 % (nhóm 2) đến 6,70 % (nhóm 1). Điều đó chứng tỏ rằng do nhiều nguyên nhân, việc học nghề mới của các lao động trong các nhóm hộ là rất khó khăn.

Khi bị thu hồi đất nông nghiệp, người dân phải chuyển sang lao động tự do, buôn bán nhỏ dẫn đến sự cạnh tranh trong buôn bán, việc làm ảnh hưởng đến tình làng nghĩa xóm. Theo kết quả điều tra, sau thu hồi đất, có đến tới 24,0 % số hộ cho rằng tình hình an ninh trật tự là không tốt trước thu hồi đất.

Bảng 5. Tình hình sử dụng tiền bồi thường của hộ

Chỉ tiêu	Triệu đồng	%
Nhóm hộ 1 (n = 25)		
Số tiền bồi thường bình quân/hộ	90,35	100
1. Chi phí cho việc học nghề, chuyển đổi nghề nghiệp	3,36	3,72
2. Cho con cái học hành	6,05	6,70
3. Chi phí khác	80,94	89,58
Nhóm hộ 2 (n = 20)		
Số tiền bồi thường bình quân/hộ	225,87	100
1. Chi phí cho việc học nghề, chuyển đổi nghề nghiệp	9,56	4,24
2. Cho con cái học hành	9,35	4,14
3. Chi phí khác	206,96	91,62
Nhóm hộ 3 (n = 101)		
Số tiền bồi thường bình quân/hộ	281,36	100
1. Chi phí cho việc học nghề, chuyển đổi nghề nghiệp	10,06	3,59
2. Cho con cái học hành	14,90	5,29
3. Chi phí khác	256,40	91,12

Nguồn: Tổng hợp phiếu điều tra hộ, 2015

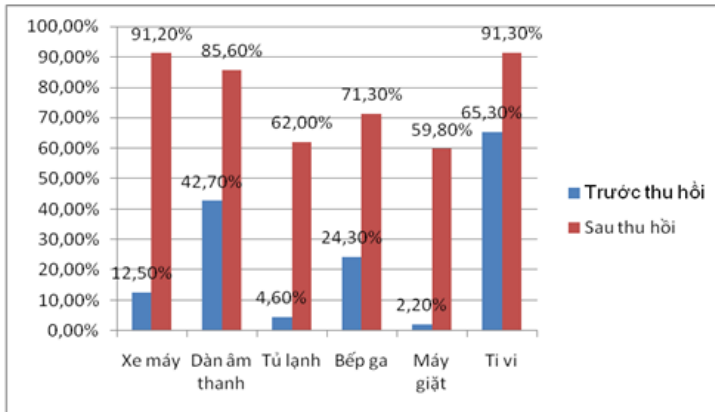
Nguồn vốn vật chất

Sau khi thu hồi đất, bên cạnh xây dựng hạ tầng tại các khu tái định cư để phục vụ đời sống nhân dân thì việc xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ các dự án ở khu kinh tế Nhơn Hội đã làm cho cơ sở hạ tầng khá hoàn chỉnh tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong cuộc sống.

Biểu đồ 2 mô tả tỉ lệ số hộ đầu tư mua sắm đồ dùng sinh hoạt trước và sau thu hồi đất. Đồ dùng được mua sắm nhiều nhất là xe máy vì đây vừa là phương tiện giúp người dân đi lại, phù hợp với túi tiền của người dân, dễ sử dụng, vận chuyển hàng hóa dễ dàng.

Tài sản cá nhân của các hộ tăng lên là do người dân đang có khoản tiền từ việc bồi thường hỗ trợ sau thu hồi đất. Thay vì đầu tư cho việc học tập cho học nghề, đầu tư sản xuất, kinh doanh họ lại tập trung vào mua sắm các phương tiện phục vụ sinh hoạt, giải trí hằng ngày. Như vậy, có sự luân chuyển từ nguồn vốn tài chính sang vốn vật chất, nhưng

nguồn vốn vật chất này đa số là phương tiện sinh hoạt mà không phải là phương tiện sản xuất.



Biểu đồ 2. Tỷ lệ các hộ có đồ dùng gia đình trước và sau khi thu hồi đất

3.3 Một số giải pháp góp phần nâng cao tính bền vững cho sinh kế của người dân

– *Giải pháp về chính sách thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ cho người dân:*

Chính sách thu hồi đất, giải quyết việc làm cho lao động sau thu hồi đất phải được xác định rõ trong quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Đến khi nào và bao nhiêu hộ dân sẽ bị thu hồi và những loại đất nào sẽ bị thu hồi, cuộc sống của người dân có đất bị thu hồi sẽ ra sao, vấn đề việc làm, tái định cư cần được làm rõ trong quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội. Cần nắm rõ thực trạng lao động, việc làm ở những khu vực có đất nông nghiệp bị thu hồi, từ đó đề xuất kế hoạch đào tạo nghề cho lao động tại địa phương mình. Kế hoạch đào tạo của xã, huyện phải được xây dựng chi tiết, trên cơ sở phân loại lao động, độ tuổi, sức khoẻ, v.v... mức độ đáp ứng yêu cầu của các doanh nghiệp. Từ đó xây dựng đề án phát triển nguồn nhân lực dài hạn, trung hạn, ngắn hạn để tạo việc làm cho người lao động.

– *Giải pháp về giá bồi thường hỗ trợ:*

Giá bồi thường, hỗ trợ cho người dân cần phải sát với giá giao dịch trên thị trường trong điều kiện bình thường. Để xác định được giá bồi thường một cách chính xác nhất, cần phải thành lập hội đồng thẩm định giá khi tính toán bồi thường cho người dân, đồng thời khuyến khích các doanh nghiệp tự thoả thuận thu hồi đất của người dân.

– *Giải pháp cho công tác tổ chức định cư, giải quyết việc làm cho người dân:*

Tiếp tục thực hiện cơ chế ưu đãi, hỗ trợ dạy nghề cho các đối tượng: người nghèo, con em gia đình chính sách, bộ đội xuất ngũ, v.v... để có nghề và tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm ổn định.

Kêu gọi, vận động các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư tại khu kinh tế tiếp nhận, đào tạo nghề và tuyển dụng từ 15–20 % lao động là người địa phương trên tổng số lao động phổ thông của doanh nghiệp cần tuyển dụng.

Tổ chức các phiên giao dịch việc làm với mục đích giới thiệu việc làm, cung ứng lao động, tư vấn việc làm, tư vấn học nghề, v.v... giữa doanh nghiệp tuyển dụng và người lao động địa phương.

Phối hợp với các trường, trung tâm dạy nghề xây dựng ngành học và chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu của khu kinh tế để đào tạo lao động địa phương.

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh cần ưu tiên các nguồn vốn vay (vốn giải quyết việc làm, vốn ưu đãi người nghèo, cận nghèo, vốn học sinh sinh viên, v.v...) cho các hộ dân di dời giải tỏa để chuyển đổi ngành nghề, tập trung vào những năm đầu của giai đoạn – năm giải tỏa đền bù và an sinh xã hội.

Lồng ghép các hoạt động của chương trình cho vay giải quyết việc làm và chương trình giảm nghèo để phát huy hiệu quả vốn vay, tạo việc làm mới và ổn định cuộc sống.

4 Kết luận

Sinh kế của người dân tại khu kinh tế Nhơn Hội sau thu hồi đất kém bền vững. Cụ thể:

– Nguồn vốn tự nhiên của các hộ bị thu hẹp rất nhiều, đặc biệt là nhóm bị thu hồi tới 98,3 % đất nông nghiệp.

– Cơ cấu nguồn vốn tài chính của người dân có sự thay đổi đáng kể. Đối với các hộ bị thu hồi nhiều đất nông nghiệp thì trước thu hồi đất chủ yếu là thu từ sản xuất nông nghiệp, sau thu hồi đất chủ yếu từ lao động làm thuê. Việc sử dụng nguồn vốn tài chính của người dân thiếu sự định hướng. Theo đó, phần lớn dành cho đời sống và sinh hoạt, phần còn lại rất ít dành cho sản xuất.

– Sau thu hồi đất người dân được hỗ trợ chuyển đổi việc làm, đây là cơ hội cho người dân phát triển nguồn vốn con người. Tuy nhiên, do sự thiếu định hướng của các cơ quan chức năng và sự thiếu nhận thức nên đa số người dân chưa chú trọng tới việc học nghề.

– Hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ cho các khu tái định cư khá hoàn thiện đáp ứng tốt nhu cầu của người dân. Có sự luân chuyển từ vốn tài chính sang vốn vật chất, nhưng nguồn vốn vật chất này đa số là phương tiện sinh hoạt mà không phải là phương tiện sản xuất.

Nghiên cứu đã chỉ ra một số giải pháp nhằm góp phần ổn định, nâng cao tính bền vững cho sinh kế của người dân để địa phương tham khảo.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Bình Định (2013), *Báo cáo số 21/BC-BGPMB ngày 15/3/2013 Sơ kết giữa nhiệm kỳ Chương trình hành động của Tỉnh ủy về “Phát triển KKT Nhơn Hội và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011–2015”– Nhiệm vụ GPMB.*
2. Huỳnh Văn Chương, Ngô Hữu Hoạch (2010), Ảnh hưởng của việc chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp đến sinh kế người nông dân bị thu hồi đất tại thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam, *Tạp chí khoa học, Đại học Huế*, số 62A, 47–58.
3. DFID (1999), *Sustainable livelihoods guidance sheets.*
4. Hà Thị Hằng (2010), Việc làm cho người lao động sau thu hồi đất trong quá trình đô thị hóa ở thành phố Huế hiện nay, *Tạp chí khoa học, Đại học Huế*, số 62, 67–73.
5. UBND thành phố Quy Nhơn (2015), *Tờ trình số 326/TTr-UBND ngày 08/10/2015 Về việc xin phê duyệt Đề án giải quyết việc làm và đảm bảo an sinh xã hội tại Khu tái định cư Nhơn Phước, xã Nhơn Hội, thành phố Quy Nhơn.*
6. UBND tỉnh Bình Định (2010), *Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND ngày 08/3/2010 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ thiệt hại tài sản và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn KKT Nhơn Hội.*
7. UBND tỉnh Bình Định (2012), *Quyết định số 08/2012/QĐ-UBND ngày 22/3/2012 của UBND tỉnh Bình Định ban hành Quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ thiệt hại tài sản và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn KKT Nhơn Hội.*

EFFECTS OF CLEARANCE ON PEOPLE'S LIVELIHOOD AFTER LAND ACQUISITION AT NHON HOI ECONOMIC ZONE, BINH DINH PROVINCE

Ho Kiet^{1,*}, Tran Van Hoa², Ho Nhat Linh¹

¹ HU – University of Agriculture and Forestry

² Land Registration Office of Binh Dinh province

Abstract: This paper presents the results of a research concerning the effects of clearance on people's livelihood after land acquisition at Nhon Hoi economic zone, Binh Dinh province. The data show that people's livelihood after the acquisition of land became unsustainable. Natural capital of households decreased considerably, especially in the group with 98.3% acquired agricultural land. The financial fund resulted from agricultural production decreased with the increase of agricultural land acquired. There was an undirected use of financial resources in the households. Accordingly, the majority of the resources was allocated for living with a very little portion for production. After the land acquisition, people did not pay much attention to vocational training. There was a transfer of financial resources to physical capital, and most of it did not play any roles in the production.

Keywords: economic zone, Nhon Hoi, land acquisition, livelihood